

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6- 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Xuân Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 10/04/2024
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/07/2024
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên độc lập	
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Khánh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Thùy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 448/2025/UHY - BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2025, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vì, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 30 - Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố. Nguyên nhân điều chỉnh do Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép - Công ty con) nhận được thông báo nợ từ các Ngân hàng, trong đó có ghi nhận số lãi và phạt đến ngày 31/12/2023 với số tiền 58.486.219.516 đồng liên quan đến các khoản nợ của Công ty Gang thép tại các Ngân hàng này.

Việc điều chỉnh nêu trên dẫn đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của Công ty Gang thép, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 58.486.219.516 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng lên tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty Gang thép giảm đi 5.631.775.450 đồng.

Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam, chỉ tiêu Lợi thế thương mại (Mã số 269) tăng thêm 38.558.038.927 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng thêm 58.486.219.516 đồng, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 6.371.074.905 đồng.

Như đã được nêu trong Thuyết minh số 29 – Thông tin về hoạt động liên tục, lỗ lũy kế của Công ty trên Bảng cân đối kế toán tính đến ngày 31/12/2024 là hơn 22 tỷ đồng (so với hơn 26 tỷ đồng vào ngày 01/01/2024). Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty hiện vượt quá tài sản ngắn hạn hơn 49 tỷ đồng (vào ngày 01/01/2024 là 69 tỷ đồng). Thêm vào đó, Công ty cũng có khoản vay gốc và lãi vay quá hạn thanh toán tính đến ngày 31/12/2024, lần lượt là hơn 36,9 tỷ đồng và hơn 63,7 tỷ đồng (so với 36,9 tỷ đồng và 58,4 tỷ đồng vào ngày 01/01/2024). Các yếu tố này tạo ra sự không chắc chắn đáng kể về khả năng duy trì hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện tình hình tài chính và cơ cấu lại các khoản nợ quá hạn. Đồng thời, Công ty Gang Thép (Công ty con) cũng đang hoàn tất thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, cũng như gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vì, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, và dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2025. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.578.310.617	30.252.114.802
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.747.358.793	1.136.006.529
Tiền	111		20.747.358.793	1.136.006.529
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.141.130.003	27.236.640.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	10.627.450.000	26.936.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	21.513.680.000	300.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	2.000.000.003	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	-	22.105.917.054
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	-	(22.105.917.054)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.689.821.821	1.879.468.273
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.689.821.821	1.879.468.273
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		304.693.583.196	316.459.229.372
Các khoản phải thu dài hạn	210		442.074.926	442.074.926
Phải thu dài hạn khác	216	11	442.074.926	442.074.926
Tài sản cố định	220		39.443.137.355	43.299.888.875
Tài sản cố định hữu hình	221	10	39.443.137.355	43.299.888.875
- Nguyên giá	222		73.558.675.656	73.558.675.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.115.538.301)	(30.258.786.781)
Tài sản dở dang dài hạn	240	7	201.394.644.636	201.394.644.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		201.394.644.636	201.394.644.636
Tài sản dài hạn khác	260		63.413.726.279	71.322.620.935
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	143.157.464	382.892.264
Lợi thế thương mại	269		63.270.568.815	70.939.728.671
TỔNG TÀI SẢN	270		361.271.893.813	346.711.344.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		105.838.386.104	99.227.626.759
Nợ ngắn hạn	310		105.838.386.104	99.227.626.759
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.148.073.600	3.258.500.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	21.952.809	21.952.809
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	63.721.661.981	58.486.219.516
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.024.928.714	539.184.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	36.921.769.000	36.921.769.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.433.507.709	247.483.717.415
Vốn chủ sở hữu	410	18	255.433.507.709	247.483.717.415
Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		247.159.580.000	247.159.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.216.022.149)	(26.573.102.762)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(26.573.102.762)	(15.532.247.409)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.357.080.613	(11.040.855.353)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.639.040.767	27.046.331.086
TỔNG NGUỒN VỐN	440		361.271.893.813	346.711.344.174

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Ngô Văn Khánh

Kế toán trưởng

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	56.128.696.800	84.082.802.454
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.128.696.800	84.082.802.454
Giá vốn hàng bán	11	20	54.733.308.448	82.860.548.016
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.395.388.352	1.222.254.438
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	175.594	322.245.486
Chi phí tài chính	22	22	5.235.442.465	(12.682.315.104)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.235.442.465	4.223.831.587
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(13.083.596.419)	29.369.232.517
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.243.717.900	(15.142.417.489)
Thu nhập khác	31		82.946	22.674.500
Chi phí khác	32	25	1.294.010.552	2.633.427.407
Lợi nhuận khác	40		(1.293.927.606)	(2.610.752.907)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.949.790.294	(17.753.170.396)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	21.150.087
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.949.790.294	(17.774.320.483)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.357.080.613	(11.040.855.353)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.592.709.681	(6.733.465.130)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	176,29	(446,71)

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Bùi Thùy Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.949.790.294	(17.753.170.396)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.525.911.376	9.406.554.744
Các khoản dự phòng	03		(22.105.917.054)	5.199.770.363
Lãi hoạt động đầu tư	05		(175.594)	(322.245.486)
Chi phí lãi vay	06		5.235.442.465	4.223.831.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.605.051.487	754.740.812
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.155.631.041	(4.720.000.168)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	157.935.205
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.610.759.345	5.042.174.285
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		239.734.800	227.083.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(32.121.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.611.176.673	1.429.812.736
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.499.999.997	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	812.459.642
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.594	322.245.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.999.824.409)	1.134.705.128
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(2.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.611.352.264	464.517.864
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.136.006.529	671.488.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	20.747.358.793	1.136.006.529

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Bùi Thùy Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B09 – DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là: 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là FID.

Trụ sở chính của Công ty tại: VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác kim loại và bán buôn.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê; Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; Nhà không phải để ở bao gồm khu triển lãm, nhà kho, nơi dạo mát và trung tâm thương mại; Đất; Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; Mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; Hoạt động mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: sản xuất gạch bằng lò luyện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt:
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt)
- Khai thác kim loại khác không phải sắt
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (Quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, ăngtimon...)
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty liên kết giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 01/04/2023 từ 480 tỷ đồng xuống còn 200 tỷ đồng. Sau khi giảm vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam trở thành công ty mẹ với tỷ lệ quyền biểu quyết và quyền kiểm soát tại Công ty Gang thép là 76,82%.

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2024; Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, có (01) Công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2600377146 ngày 08/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 07/03/2024.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 76,82%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất này là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (Các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 200), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202).

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200, Thông tư 202, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính cũng như các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

4.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó: Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản

- Máy móc, thiết bị

Thời gian khấu hao (năm)

15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản vốn khác.

4.9 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận.

4.10 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ hợp nhất biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.11 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 THUẾ (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	707.624.862	1.126.150.146
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.039.733.931	9.856.383
	20.747.358.793	1.136.006.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	143.157.464	382.892.264
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	125.755.290	341.870.185
- Chi phí trả trước dài hạn khác	17.402.174	41.022.079
	143.157.464	382.892.264

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền 201.394.644.636 đồng phản ánh các chi phí hạ tầng khai thác mỏ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con tại mỏ sắt xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và mỏ sắt Thượng Cừ, Thanh Sơn, Phú Thọ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

Ngày 29/09/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Báo cáo thẩm định Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Báo cáo số 471/BC-SKH&ĐT. Ngày 02/08/2021, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Sơn đã ra Văn bản số 1161/UBND-TN&MT về việc thực hiện dự án Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 05/7/2021, Thường trực tỉnh ủy Phú Thọ có văn bản số 300-TB/TU thông báo ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy cho Ban cán sự Đảng ủy, UBND với nội dung: “Về chủ trương: Đồng ý cho Công ty đầu tư dự án đầu tư khai thác chế biến quặng sắt tại Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ như đề nghị của Ban cán sự đảng ủy, UBND tỉnh Phú Thọ tại văn bản số 121-CV/BCS ngày 23/6/2021 với diện tích 10ha”. Công ty đang tiếp tục làm việc để xin phê duyệt chủ trương đầu tư từ UBND tỉnh và dự kiến sẽ hoàn thành việc này trong năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Global	-	-	8.822.200.000	-
- Công ty TNHH Phần bón hữu cơ Truyền Thống	-	-	17.828.240.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển MSA	5.698.450.000	-	-	-
- Công ty TNHH Quà tặng nước Nga	4.423.200.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	505.800.000	-	286.200.000	-
	10.627.450.000	-	26.936.640.000	-

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Logistics NYV	21.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	513.680.000	-	300.000.000	-
	21.513.680.000	-	300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	840.280.628	70.100.638.968	2.578.996.060	38.760.000	73.558.675.656
31/12/2024	840.280.628	70.100.638.968	2.578.996.060	38.760.000	73.558.675.656
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(840.280.628)	(26.800.750.093)	(2.578.996.060)	(38.760.000)	(30.258.786.781)
- Khấu hao trong năm	-	(3.856.751.520)	-	-	(3.856.751.520)
31/12/2024	(840.280.628)	(30.657.501.613)	(2.578.996.060)	(38.760.000)	(34.115.538.301)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	43.299.888.875	-	-	43.299.888.875
31/12/2024	-	39.443.137.355	-	-	39.443.137.355

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.676.584.746 VND (tại ngày 01/01/2024 là 15.676.584.746 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	-	-	22.105.917.054	(22.105.917.054)
- Tiền tạm ứng của các cán bộ nhân viên	-	-	22.105.917.054	(22.105.917.054)
Dài hạn	442.074.926	-	442.074.926	-
- Ký cược, ký quỹ	442.074.926	-	442.074.926	-
	442.074.926	-	22.547.991.980	(22.105.917.054)

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần FLG (*)	2.000.000.003	-	-	-
	2.000.000.003	-	-	-

(*) Hợp đồng cho vay số 1212/HĐV/GT-FLG ngày 12/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Gang Thép Công Nghiệp Việt Nam và Công ty Cổ phần FLG, thời hạn cho vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/03/2025, lãi suất cho vay 10%/năm, khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo. Công ty Cổ phần FLG đã thanh toán tiền gốc vay cho Công ty vào ngày 19/03/2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
-	-	2.229.000.000	2.229.000.000
-	-	1.002.000.000	1.002.000.000
2.875.050.000	2.875.050.000	-	-
1.242.023.600	1.242.023.600	-	-
31.000.000	31.000.000	27.500.600	27.500.600
4.148.073.600	4.148.073.600	3.258.500.600	3.258.500.600

- Công ty Cổ phần Nông sản Thiên Hương
- Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Phước Thịnh
- Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam
- Các đối tượng khác

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	01/01/2024
VND	VND	VND	VND
-	514.000.000	514.000.000	-
10.749.655	-	-	10.749.655
11.203.154	-	-	11.203.154
-	6.000.000	6.000.000	-
21.952.809	520.000.000	520.000.000	21.952.809

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	36.921.769.000	36.921.769.000	-	-	36.921.769.000	36.921.769.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	28.040.769.000	-	-	28.040.769.000	28.040.769.000
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam	8.881.000.000	8.881.000.000	-	-	8.881.000.000	8.881.000.000
	36.921.769.000	36.921.769.000	-	-	36.921.769.000	36.921.769.000

Các khoản vay ngân hàng của Công ty đang thuộc nhóm nợ xấu Nhóm 5: (Nợ có khả năng mất vốn): Là khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
Số dư vay quá hạn chưa thanh toán như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc vay	Lãi vay và lãi phạt	Gốc vay	Lãi vay và lãi phạt
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	37.225.381.856	28.040.769.000	33.667.332.641
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam - CN SGD (1)	8.881.000.000	26.496.280.125	8.881.000.000	24.818.886.875
	36.921.769.000	63.721.661.981	36.921.769.000	58.486.219.516

- (1) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm:
- Bất động sản của bên liên quan;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Chòi Hân, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.024.928.714	539.184.834
- Bảo hiểm xã hội	889.962.775	476.278.239
- Bảo hiểm y tế	90.857.511	41.359.658
- Bảo hiểm tai nạn lao động	203.995	1.995
- Bảo hiểm thất nghiệp	40.528.793	18.169.302
- Kinh phí công đoàn	3.375.640	3.375.640
	1.024.928.714	539.184.834

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	63.721.661.981	58.486.219.516
- Trích trước chi phí lãi vay và lãi phạt	63.721.661.981	58.486.219.516
	63.721.661.981	58.486.219.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18.	VỐN CHỦ SỞ HỮU								
18.1	BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU								
	Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng			
		VND	VND	VND	VND	VND			
	01/01/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(15.532.247.409)	-	231.478.241.682			
	- Lỗ trong năm	-	-	(11.040.855.353)	(6.733.465.130)	(17.774.320.483)			
	- Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	33.779.796.216	33.779.796.216			
	31/12/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(26.573.102.762)	27.046.331.086	247.483.717.415			
	01/01/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(26.573.102.762)	27.046.331.086	247.483.717.415			
	- Lãi trong năm	-	-	4.357.080.613	3.592.709.681	7.949.790.294			
	31/12/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(22.216.022.149)	30.639.040.767	255.433.507.709			

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Thu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	227.159.580.000	227.159.580.000
	247.159.580.000	247.159.580.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	247.159.580.000	247.159.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa đã bán	52.948.696.800	80.902.802.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.180.000.000	3.180.000.000
	56.128.696.800	84.082.802.454

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	51.684.823.600	79.812.063.168
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.048.484.848	3.048.484.848
	54.733.308.448	82.860.548.016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.594	322.245.486
	175.594	322.245.486

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.235.442.465	4.223.831.587
Hoàn nhập dự phòng công ty liên kết	-	(16.906.146.691)
	5.235.442.465	(12.682.315.104)

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	239.734.800	236.572.072
Chi phí nhân công	244.800.000	222.300.000
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.955.577	1.037.150.834
Lợi thế thương mại phân bổ	7.669.159.856	5.751.869.892
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(22.105.917.054)	22.079.383.054
Chi phí bằng tiền khác	30.670.402	38.956.665
	(13.083.596.419)	29.369.232.517

24. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	239.734.800	236.572.072
Chi phí nhân công	244.800.000	222.300.000
Khấu hao tài sản cố định	3.048.484.848	3.048.484.848
Lợi thế thương mại phân bổ	7.669.159.856	5.751.869.892
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(22.105.917.054)	22.079.383.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.955.577	1.037.150.834
Chi phí khác bằng tiền	30.670.402	38.956.665
	(10.035.111.571)	32.417.717.365

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao máy xúc	808.266.672	2.155.377.792
Điều chỉnh BHXH, BHYT, BHTN	485.743.880	478.049.615
	1.294.010.552	2.633.427.407

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam	-	21.150.087
	-	21.150.087

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.357.080.613	(11.040.855.353)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.357.080.613	(11.040.855.353)
- Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	24.715.958	24.715.958
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	176,29	(446,71)

28. BÊN LIÊN QUAN**28.1 Danh sách các bên liên quan**

Trong năm 2024, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Ông Hà Xuân Trường
Ông Phạm Hoàng Cầu
Bà Vũ Thị Thúy
Bà Bùi Thùy Linh
Ông Phạm Tuấn Khanh
Ông Nguyễn Đức Toàn
Bà Hoàng Thị Tuyết Lan
Ông Nguyễn Hữu Thọ
Ông Nguyễn Thành Trung
Công ty Cổ phần Gang Thép Công nghiệp Việt Nam
Ông Nguyễn Xuân Quyết
Bà Vũ Thị Thúy
Ông Nguyễn Xuân Sơn

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2024)
Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 19/07/2024)
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên HĐQT độc lập
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Công ty con
Phó Chủ tịch HĐQT Công ty con
Thành viên HĐQT Công ty con
Thành viên HĐQT Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	94.800.000	94.800.000
	94.800.000	94.800.000

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Trả lại vốn góp của Công ty con	-	280.000.000.000
Ông Hà Xuân Trường	-	41.576.173.551
Ông Nguyễn Xuân Quyết	-	163.010.172.815
Bà Vũ Thị Thúy	-	35.604.853.536
Ông Nguyễn Xuân Sơn	-	39.808.800.098
Hoàn lại tiền tạm ứng	22.105.917.054	-
Bà Vũ Thị Thúy	22.105.917.054	-

Số dư với bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng	-	22.105.917.054
Bà Vũ Thị Thúy	-	22.105.917.054

29. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Lỗ lũy kế của Công ty trên Bảng cân đối kế toán tính đến ngày 31/12/2024 là hơn 22 tỷ đồng (so với hơn 26 tỷ đồng vào ngày 01/01/2024). Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty hiện vượt quá tài sản ngắn hạn hơn 49 tỷ đồng (vào ngày 01/01/2024 là 69 tỷ đồng). Thêm vào đó, Công ty cũng có khoản vay gốc và lãi vay quá hạn thanh toán tính đến ngày 31/12/2024, lần lượt là hơn 36,9 tỷ đồng và hơn 63,7 tỷ đồng (so với 36,9 tỷ đồng và 58,4 tỷ đồng vào ngày 01/01/2024). Các yếu tố này tạo ra sự không chắc chắn đáng kể về khả năng duy trì hoạt động của Công ty trong tương lai.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện tình hình tài chính và cơ cấu lại các khoản nợ quá hạn. Đồng thời, Công ty Gang Thép (Công ty con) cũng đang hoàn tất thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, cũng như gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vĩ, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, và dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2025. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố. Nguyên nhân điều chỉnh do Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép - Công ty con) nhận được thông báo nợ từ các Ngân hàng, trong đó có ghi nhận số lãi và phạt đến ngày 31/12/2023 với số tiền 58.486.219.516 đồng liên quan đến các khoản nợ của Công ty Gang thép tại các Ngân hàng này.

Việc điều chỉnh nêu trên dẫn đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của Công ty Gang thép, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 58.486.219.516 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng lên tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty Gang thép giảm đi 5.631.775.450 đồng.

Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam, chỉ tiêu Lợi thế thương mại (Mã số 269) tăng thêm 38.558.038.927 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng thêm 58.486.219.516 đồng, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 6.371.074.905 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty tăng thêm 9.555.987.624 đồng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	277.901.190.445	316.459.229.372	38.558.038.927
Tài sản dài hạn khác	260	32.764.582.008	71.322.620.935	38.558.038.927
Lợi thế thương mại	269	32.381.689.744	70.939.728.671	38.558.038.927
TỔNG TÀI SẢN	270	308.153.305.247	346.711.344.174	38.558.038.927
NỢ PHẢI TRẢ	300	40.741.407.243	99.227.626.759	58.486.219.516
Nợ ngắn hạn	310	40.741.407.243	99.227.626.759	58.486.219.516
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	58.486.219.516	58.486.219.516
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	267.411.898.004	247.483.717.415	(19.928.180.589)
Vốn chủ sở hữu	410	267.411.898.004	247.483.717.415	(19.928.180.589)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(20.202.027.857)	(26.573.102.762)	(6.371.074.905)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.373.899.282	(15.532.247.409)	(16.906.146.691)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(21.575.927.139)	(11.040.855.353)	10.535.071.786
TỔNG NGUỒN VỐN	440	308.153.305.247	346.711.344.174	38.558.038.927

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Chi phí tài chính	22	-	(12.682.315.104)	(12.682.315.104)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.242.905.037	29.369.232.517	3.126.327.480
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(24.698.405.113)	(15.142.417.489)	9.555.987.624
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(27.309.158.020)	(17.753.170.396)	9.555.987.624
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(27.330.308.107)	(17.774.320.483)	9.555.987.624
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(21.575.927.139)	(11.040.855.353)	10.535.071.786
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(5.754.380.968)	(6.733.465.130)	(979.084.162)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(872,96)	(1.130,73)	(257,77)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận trước thuế	01	(27.309.158.020)	(17.753.170.396)	9.555.987.624
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03	7.829.405.052	9.406.554.744	1.577.149.692
Chi phí lãi vay	06	-	4.223.831.587	4.223.831.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.303.918.600	754.740.812	(1.549.177.788)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.492.996.497	5.042.174.285	1.549.177.788

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Ngô Văn Khánh

Kế toán trưởng

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh

